

BẢN TIN TUẦN

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

Lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng phụ cận

(Tuần từ 16/10 đến 22/10/2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1.1. Lượng mưa

Bảng 1.1. Tổng hợp lượng mưa, dự báo mưa tại các trạm chính

TT	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-(%))					Dự báo tình hình mưa tuần tới (mm)
				TBNN	2015	2016	2018	2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(11)
1	Đà Nẵng	923,3	1.900	+60	+49	+46	+104	+92	402
2	Ái Nghĩa	1.036,4	2.082	+63	+107	+93	+121	+96	394
3	Câu Lâu	969,6	1.995	+81	+119	+72	+173	+133	328
4	Giao Thủy	1.079,4	2.091	+62	+59	+95	+106	+102	381
5	Thành Mỹ	764,4	2.437	+65	+40	+83	+142	+100	294
6	Hiệp Đức	750,4	2.159	+31	-3	+21	+72	+104	224
7	Tam Kỳ	778,0	1.774	+34	+58	+31	+33	+65	218
8	Hội Khách	948,4	2.243	+63	+62	+82	+128	+130	186
9	Trà My	762,7	2.324	+13	-4	+5	+33	+47	352
10	Nông Sơn	1.071,0	2.740	+66	+44	+55	+127	+152	254
11	Hội An	866,4	1.875	+67	+119	+84	+105	+124	211
Trung bình		904,5	2.147	+55	+59	+61	+104	+104	295

Nhận xét: Trong tuần qua trên địa bàn vùng nghiên cứu có mưa to đến rất to, lượng mưa đo được tại một số trạm đo mưa chính trên lưu vực với lượng mưa bình quân đạt 904,5 mm, một số nơi đã xảy ra ngập úng. Tổng lượng mưa bình quân cộng dồn từ đầu năm đến nay tại các trạm đo mưa chính trên địa bàn vùng nghiên cứu đạt khoảng 2.147 mm, cao hơn trung bình nhiều năm khoảng 55%. Dự báo trong tuần tới trong vùng sẽ tiếp tục có mưa to đến rất to, lượng mưa phổ biến từ 211 ÷ 402 mm.

1.2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

Bảng 1.2. Tổng hợp nguồn nước tại các công trình thủy lợi

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So cột (5) với cùng kỳ (+/-%)					Xu thế kỳ tiếp
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2016	2018	2019	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Đồng Nghệ*	17,17	15,87	75	73	+24,7	-15,6	-24,9	+51,4	+60,2	Tăng
2	Hòa Trung	11,01	10,67	87	87	+36,1	+59,6	+46,1	+16,7	+19,5	Tăng
3	Phú Ninh	344,00	273,70	50	37	+9,1	+13,2	-4,3	+1,1	+17,4	Tăng
4	Việt An*	22,95	20,12	71	67	+44,9	+52,1	+25,9	+54,4	+44,7	Giảm

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So cột (5) với cùng kỳ (+/-%)					Xu thế kỳ tiếp
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2016	2018	2019	
5	Khe Tân	54,00	46,50	102	103	+42,4	+64,2	+11,4	+43,9	+55,7	Giảm
6	Vĩnh Trinh*	20,74	18,34	94	93	+61,4	+51,4	+52,2	+82,7	+69,0	Tăng
7	Thái xuân	12,03	11,38	43	40	+13,0	+11,7	-1,4	+3,2	+25,5	Tăng
8	Thạch Bàn	9,87	8,38	105	106	+44,1	+22,2	+5,1	+61,9	+55,5	Giảm
9	Đông Tiễn	7,69	6,88	64	60	+29,1	+37,1	+6,4	+39,5	+48,6	Tăng
10	Phước Hà	6,34	5,89	102	102	+61,7	+63,5	+18,9	+75,2	+89,7	Giảm
11	Hồ Giang	5,05	4,82	101	101	+65,4	+71,6	+41,6	+60,8	+93,3	Giảm
12	Cao Ngạn	4,13	3,68	58	61	+26,7	+36,7	-7,2	+35,4	+55,3	Tăng
13	Phú Lộc	3,51	3,33	102	102	+27,1	+33,2	+19,9	-12,1	+76,7	Giảm
14	An Long	2,04	1,84	101	102	+18,0	+1,9	+0,4	-1,5	+72,0	Giảm
15	Trung Lộc	1,96	1,75	80	78	+30,5	+26,8	+10,7	-2,7	+70,8	Tăng
16	Hương Mao	1,14	1,05	100	100	+38,0	+48,1	+52,8	-11,8	+76,8	Giảm
17	Cây Thông	0,99	0,94	99	99	+61,5	+76,9	+54,9	+28,3	+85,9	Giảm
18	Đá Vách	0,80	0,70	104	105	+13,6	+3,9	+3,0	+0,6	+0,6	Giảm
19	Nước Rôn	0,58	0,46	103	103	+26,3	+35,5	+33,7	+82,0	-68,0	Giảm
	Tổng	526,00	436,31	63	55	+20,0	+23,9	+2,9	+16,5	+13,4	

Nhận xét: Tổng dung tích toàn bộ thiết kế của 19 công trình hồ chứa thủy lợi lớn trên địa bàn vùng nghiên cứu là 526 triệu m³, hiện tại tổng dung tích các hồ đạt 63% so với dung tích toàn bộ thiết kế, 55% so với dung tích hữu ích thiết kế, cao hơn so với cùng kỳ trung bình nhiều năm là 20,0%, cao hơn cùng kỳ năm 2019 là 13,5%, cao hơn so với cùng kỳ năm 2018 là 16,5%.

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du

Bảng 1.3. Tổng hợp nguồn nước tại các công trình thủy điện chính bổ sung nước vùng hạ du

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So với cùng kỳ (+/-)					Dự báo xu thế nguồn nước	Qđền (m ³ /s)	Q xả (công/tràn) (m ³ /s)	Q chạy máy (m ³ /s)	MN hiện tại so với QTVH (m)
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2016	2018	2019					
1	A Vương	343,6	266,5	96,5	95,5	+56,4	+53,3	+53,3	+73,1	+69,1	Tăng	549,0	336,7	71,6	+2,6
2	Sông Tranh 2	729,2	521,1	91,1	87,5	+51,0	+34,4	+55,2	+47,8	+62,3	Tăng	923,6	17,5	163,9	-0,2
3	Đăk Mi 4	312,4	158,3	97,2	94,4	+40,2	+33,4	+42,9	+43,0	+46,5	Tăng	587,0	313,7	96,4	+2,1
4	Sông Bung 4	510,8	234,0	96,0	91,3	+25,5	+17,7	+19,0	+38,8	+37,1	Tăng	676,2	477,3	157,1	+3,7
5	Tổng	1.896,0	1.179,9	94,4	91,0	+43,3	+33,2	+34,5	+49,2	+54,1					

Nhận xét: Hiện tại, tổng dung tích toàn bộ trong các hồ đạt khoảng 94,4% so với dung tích toàn bộ thiết kế, đạt 91,0% dung tích hữu ích thiết kế, cao hơn so với trung bình nhiều năm là 43,3%, cao hơn cùng kỳ năm 2019 khoảng 54,1% và cao hơn cùng kỳ năm 2018 là 49,2%. Các hồ hiện tại mực nước cao hơn từ 2,1 ÷ 3,7 m so với mực nước quy định tại bảng 1,2 điều 6 của quy trình vận hành 1865/2019/QĐ-TTg, riêng hồ Sông Tranh 2 thấp hơn 0,2 m.

Vận hành các nhà máy thủy điện trong tuần qua như sau:

+ Thủy điện A Vương: Lưu lượng đến trung bình đạt 549,0 m³/s, hồ phát điện liên tục, với lưu lượng chạy máy trung bình đạt 71,3 m³/s, lưu lượng qua tràn 336,7 m³/s.

+ Thủy điện Sông Bung 4: Lưu lượng đến trung bình đạt 676,2 m³/s, hồ phát điện liên tục, với lưu lượng chạy máy trung bình đạt 157,1 m³/s, lưu lượng qua tràn 477,3 m³/s.

+ Thủy điện Đăk Mi 4: Lưu lượng đến trung bình đạt 587,0m³/s, hồ phát điện liên tục với lưu lượng chạy máy trung bình đạt 96,4 m³/s. Lưu lượng qua tràn xả về hạ du sông Vu Gia 313,7 m³/s.

+ Thủy điện Sông Tranh 2: Lưu lượng đến trung bình đạt 923,6 m³/s, hồ phát điện liên tục, lưu lượng chạy máy trung bình đạt 163,9 m³/s. lưu lượng qua tràn 17,5 m³/s.

II. ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN TÍCH NƯỚC

Bảng 2.1. Phương án tích nước hồ chứa phù hợp

TT	Tên công trình	Mức nước hồ hiện tại (m)	Q xả max (m ³ /s)	Mức nước lớn nhất và thấp nhất tại thời điểm tính toán (m)			W đến dự báo hết mùa lũ (triệu m ³)	W hồ dự báo (%)	Khuyến cáo tích nước	
				MNDBT (m)	Mức nước hồ lớn nhất cho phép	Mức nước nhỏ nhất khuyến cáo			Khuyến cáo phương án tích nước	Mức nước hồ dự báo theo khuyến cáo (m)
1	Phú Ninh	25,47		32	30,50	29,00	336,21	100	Theo QTVH	32,00
2	Vĩnh Trinh	29,11		30,15	29,19	26,78	27,46	100	Theo QTVH	30,15
3	Việt An	88,70		92,1	89,60	85,77	12,18	100	Theo QTVH	92,10
4	Đồng Nghệ	28,34		33,3	30,30	30,30	22,85	100	Theo QTVH	33,30
5	Khe Tân	21,94		21,8	21,80	16,08	81,34	100	Theo QTVH	21,80

Theo dự báo của Trung tâm dự báo Quốc gia tổng lượng mưa từ nay đến cuối mùa lũ trung bình tại các trạm trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và vùng phụ cận dao động từ 1.000 ÷ 1.800 mm, cao hơn trung bình nhiều năm từ 25 ÷ 35%. Mưa tập trung vào các tháng 10 và tháng 11. Tổng lượng mưa từ nay đến cuối mùa lũ còn khá lớn vì vậy các địa phương, các chủ hồ cần gia cố hồ đập, theo dõi, bám sát diễn biến tình hình thời tiết để đảm bảo an toàn cho các hồ chứa.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Theo dự báo trong tuần tới trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn và phụ cận có mưa to đến rất to, lượng mưa trung bình phổ biến từ 200 ÷ 400 mm. Để chủ động ứng phó với mưa, lũ, đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản của người dân cần chủ động thông tin kịp thời, khuyến cáo, hướng dẫn người dân trong các hoạt động đi lại và sản xuất khi có mưa lũ xảy ra.

Tiếp tục chỉ đạo, triển khai các biện pháp gia cố hồ đập nhất là các hồ chứa vừa và nhỏ, giám sát việc vận hành an toàn các hồ đập trên địa bàn tỉnh theo các quy trình vận hành hồ chứa đã được phê duyệt.

Tập đoàn điện lực Việt Nam cần chỉ đạo các chủ hồ vận hành các hồ tuân thủ theo quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định 1865/2019/QĐ-TTg và Điều 28 Luật Thủy lợi nhằm hỗ trợ công tác cấp nước và phòng chống lũ lụt hạ du trong thời gian tới.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 23/10/2020.